

TỔNG KẾT VỀ NGŨ PHÁP

I. Mục tiêu bài dạy.

1. Kiến thức:

- Ôn tập và hệ thống hoá các kiến thức về nội dung đã học.

2. Kỹ năng:

- Rèn kỹ năng vận dụng các kiến thức ngữ pháp vào việc nói và viết trong giao tiếp xã hội và trong việc viết bài tập làm văn.

3. Thái độ:

- Giáo dục ý thức giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt.

II. Phương tiện thực hiện.

- Thầy: giáo án, sgk, bảng phụ.

- Trò: vở bài tập, sgk, vở ghi.

III. Cách thức tiến hành.

- Ôn tập, nêu vấn đề, thảo luận, quy nạp.

IV. Tiến trình bài dạy.

1. Tổ chức:

2. Kiểm tra: kết hợp trong giờ.

3. Bài mới.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
- HS đọc bài tập 1. Các từ in đậm, đâu là danh từ, động từ, tính từ? Thêm các từ cho sau đây vào trước những từ thích hợp với chúng trong 3 cột bên dưới. Cho	A. Từ loại: I. Danh từ, động từ, tính từ. 1. Bài 1: - Danh từ: lần, lãg, làng. - Động từ: đọc, nghĩ ngợi, phục dịch, đập. - Tính từ: hay, đột ngột, phải sung sướng.

biết mỗi từ trong ba cột đó thuộc loại từ loại nào?

- Danh từ kết hợp với: những, cái, các, một...

- Động từ kết hợp với hãy, đã, vừa.

- Tính từ kết hợp với rất, hơi, quá, lắm.

2. Bài 2, 3: Tìm hiểu khả năng kết hợp của danh từ, động từ, tính từ.

a. Danh từ có thể kết hợp với các từ sau: những, cái, các, một...

- Kết hợp với các từ: lần, làng, cái lẵng, ông giáo.

b. Động từ có thể kết hợp với các từ: hãy, đừng, chớ, đã, vừa, đang, sẽ.

- Kết hợp với các từ: đọc, nghĩ ngợi, phục dịch, đập.

c. Tính từ có thể kết hợp với các từ: rất, hơi, quá, lắm.

- Kết hợp với các từ: hay, đột ngột, phải, sung sướng.

3. Bài 4: kẻ bảng theo mẫu cho dưới đây và điền các từ có thể kết hợp với danh từ, động từ, tính từ vào những cột để trống

Từ loại	Kết hợp về phía trước
Danh từ	- những - những
Động từ	- vừa - đang
Tính từ	- rất

Từ loại	Kết hợp về phía sau
- ruộng lúa - con người	- này - ấy
- đọc - cày	- truyện - ruộng
- đẹp - xinh	- quá

4. Bài tập 5: tìm hiểu sự chuyển loại

- HS đọc bài tập 5. Xác định từ loại có những từ in đậm trong các câu sau?	của từ: a. Từ “tròn” là tính từ, trong câu văn này nó được dùng như động từ. b. Từ “băn khoăn” là tính từ, trong câu văn này nó được dùng như danh từ.
--	---

4. Củng cố:

- Thế nào là danh từ, động từ, tính từ?
- Nêu hiện tượng chuyển loại của từ?
- Khả năng kết hợp của từ loại?

5. Hướng dẫn học bài.

- Ôn tập các phần còn lại.
- Đặt 5 câu có hiện tượng chuyển loại của từ (động từ, danh từ, tính từ).

TỔNG KẾT VỀ NGŨ PHÁP (tiếp)

I. Mục tiêu bài học (như t. 147)

II. Phương tiện thực hiện.

III. Cách thức tiến hành.

IV. Tiến trình bài dạy.

1. Tổ chức.

2. Kiểm tra:

Cho HS chữa bài tập về nhà trong sgk.

3. Bài mới.

Hoạt động của GV và HS				Nội dung cần đạt														
Xếp các từ loại in đậm vào cột theo mẫu sau?				II. Các từ loại khác														
				1. Bài tập 1.														
				<table><tr><td>Phó từ</td><td>quan hệ từ</td><td>trợ từ</td><td>tình thái từ</td><td>thán từ</td></tr><tr><td>đã, mới, đã, đang</td><td>ở, của, nhưng, như</td><td>chỉ, cả, ngay, chỉ</td><td>hả</td><td>trời ơi</td></tr></table>					Phó từ	quan hệ từ	trợ từ	tình thái từ	thán từ	đã, mới, đã, đang	ở, của, nhưng, như	chỉ, cả, ngay, chỉ	hả	trời ơi
Phó từ	quan hệ từ	trợ từ	tình thái từ	thán từ														
đã, mới, đã, đang	ở, của, nhưng, như	chỉ, cả, ngay, chỉ	hả	trời ơi														
				2. Bài 2: tìm từ chuyên dùng ở cuối câu để tạo câu nghi vấn cho biết các từ ấy thuộc từ loại nào.														
Đặt một số câu hỏi. VD: - Cháu đã biết rồi ư? - Bạn đã làm bài tập chưa? - Cháu đi học phải không?				- Ừ, chưa, không(từ Ừ là tình thái từ. Còn lại là trợ từ)														
Tìm phần trung tâm của cụm danh từ in đậm, chỉ ra dấu hiệu cho biết đó là cụm danh từ?				B. Cụm từ.														
				1. Bài tập 1.														
Tìm phần trung tâm của cụm từ in đậm, chỉ ra những dấu hiệu. Cho biết đó là cụm động từ?				a. Ảnh hưởng.														
				- Nhân cách - Lối sống b. ngày c. tiếng → dấu hiệu nhận biết là từ “nhưng” ở phía trước.														
				2. Bài 2.														
				a. Đến → dấu hiệu nhận biết là từ “đã”														

Tìm phần trung tâm của các cụm từ in đậm, chỉ ra các yếu tố phụ đi kèm với nó? - Hai từ Việt Nam, Phương Đông là các danh từ được dùng làm tính từ.	b. chạy.....sẽ c. lên.....vừa. 3. Bài 3. a. theo thứ tự sau: Việt Nam, bình dị, Việt Nam, phương Đông, mới, hiện đại → Dấu hiệu nhận biết là từ “rất” hoặc có thể thêm từ “rất” vào phía trước. b. êm ả c. phức tạp, phong phú, sâu sắc
---	---

4. Củng cố.

- GV khái quát bài: nêu những từ loại trong tiếng Việt mà em đã được học?
- Chúng ta đã được học cụm từ nào?

5. Hướng dẫn học bài.

- Đặt 3 câu có cụm danh từ
 - Đặt 3 câu có cụm động từ
 - Đặt 3 câu có cụm tính từ
 - Làm bài tập trắc nghiệm
 - Chuẩn bị bài tiếp theo
-